

KẾT QUẢ THI NĂNG KHIẾU - TUYỂN SINH NĂM 2026
NGÀNH THANH NHẠC
Ngày thi 29/7 & 30/7/2026

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
1	CVN26.001	NGUYỄN HOÀNG KHẢ ÁI	Nữ	09/08/2008	2026	KV2-NT	0.5	ĐT05	1	8	7	23	24.5	TT	
2	CVN26.004	PHẠM QUỐC AN	Nam	23/10/2004	2022	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
3	CVN26.005	PHẠM THANH AN	Nam	20/06/2001	2020	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
4	CVN26.006	TRẦN THỊ MỸ AN	Nữ	03/02/2006	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
5	CVN26.008	LÊ NGUYỄN PHÚC ÂN	Nam	10/06/2005	2023	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
6	CVN26.009	SIU GIA ÂN	Nam	18/09/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.25	25.25	25.25	TT	
7	CVN26.026	LÊ NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	03/08/2001	2019	KV2-NT	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
8	CVN26.028	NGUYỄN CAO NHẬT ANH	Nam	17/11/2003	2021	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
9	CVN26.029	NGUYỄN LƯU DUY ANH	Nam	14/12/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
10	CVN26.030	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	21/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
11	CVN26.031	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	23/10/1999	2017	KV2-NT	0	Không có	0	8.25	7	23.5	23.5	TT	
12	CVN26.032	NGUYỄN THÁI ANH	Nữ	03/04/2004	2022	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
13	CVN26.033	PHẠM VƯƠNG ANH	Nữ	25/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7.75	23.75	23.75	TT	
14	CVN26.035	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	20/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	5	5	15	15.25	-	
15	CVN26.036	ĐẶNG PHÚC THIÊN BÁCH	Nam	26/08/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
16	CVN26.038	TRẦN PHẠM KHÁNH BĂNG	Nam	01/05/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
17	CVN26.044	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	06/01/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
18	CVN26.045	NGUYỄN LÂM GIA BẢO	Nam	14/04/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	7.75	7.25	22.75	23	TT	
19	CVN26.046	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN BẢO	Nam	05/06/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26	TT	
20	CVN26.047	PHẠM HOÀNG GIA BẢO	Nam	22/10/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
21	CVN26.048	PHẠM QUÂN BẢO	Nam	28/01/1999	2017	KV2	0	Không có	0	8.75	8.5	26	26	TT	
22	CVN26.050	HUỖNH NGỌC BÍCH	Nữ	26/03/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.75	6	17.5	18	-	
23	CVN26.051	PHAN THANH BÌNH	Nam	19/07/1999	2017	KV3	0	Không có	0	8.5	7	24	24	TT	
24	CVN26.052	TRẦN THỰC BÌNH	Nữ	12/07/2006	2024	KV3	0	ĐT05	1	8	9	25	26	TT	
25	CVN26.053	RCỐM BRIAN	Nam	29/03/2008	2026	KV1	0.75	ĐT01	2	5.75	5.75	17.25	20	-	
26	CVN26.054	TRƯƠNG THANH CẨM	Nam	26/09/2001	2019	KV2	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
27	CVN26.060	VĂN THỊ MỸ CHI	Nữ	09/12/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	7	23	23.75	TT	
28	CVN26.061	TRẦN HOÀNG CHIẾN	Nam	21/10/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
29	CVN26.064	ĐỖ PHÚC ĐĂNG CỖ	Nam	22/09/2000	2018	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
30	CVN26.066	TRẦN NGUY NHẬT CƯỜNG	Nam	28/05/2000	2018	KV2	0	Không có	0	9	8.5	26.5	26.5	TT	
31	CVN26.070	CHÂU MINH ĐẠO	Nam	02/02/2007	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	8	23	23.5	TT	
32	CVN26.072	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	Nam	18/01/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	7	23	23.75	TT	
33	CVN26.075	VÕ THÀNH ĐẠT	Nam	27/01/2004	2022	KV2	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
34	CVN26.076	VY TIẾN ĐẠT	Nam	14/02/2007	2025	KV1	0.75	ĐT01	2	8.5	8.75	25.75	28.5	TT	
35	CVN26.078	VÒNG MỸ ĐÌNH	Nữ	13/04/2008	2026	KV2-NT	0.5	ĐT05	1	8	8	24	25.5	TT	
36	CVN26.085	BÙI THẾ DŨNG	Nam	28/09/2002	2021	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
37	CVN26.086	PHẠM NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	06/09/2002	2020	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
38	CVN26.087	VI NHẬT TRUNG DŨNG	Nam	04/05/2008	2026	KV1	0.75	ĐT01	2	8	9	25	27.75	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
39	CVN26.089	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	17/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
40	CVN26.092	DƯƠNG NGUYỄN DUY	Nam	11/11/1996	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
41	CVN26.093	LÊ DUY	Nam	15/04/1989	2007	KV3	0	Không có	0	8.5	3	20	20	-	
42	CVN26.094	LÊ KHẢ DUY	Nam	04/06/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	9	25	25.5	TT	
43	CVN26.095	NGUYỄN MINH DUY	Nam	13/07/2003	2021	KV2-NT	0	Không có	0	8.5	7.25	24.25	24.25	TT	
44	CVN26.097	TRẦN NHẬT DUY	Nam	24/02/2000	2018	KV2-NT	0	Không có	0	5	5	15	15	-	
45	CVN26.098	TRẦN PHẠM ANH DUY	Nam	02/03/2002	2020	KV1	0	Không có	0	8	8.25	24.25	24.25	TT	
46	CVN26.099	TRƯƠNG NGỌC ANH DUY	Nam	29/05/2006	2024	KV3	0	Không có	0	9	8	26	26	TT	
47	CVN26.100	VÕ QUỐC BẢO DUY	Nam	21/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
48	CVN26.102	NGUYỄN HOÀNG KỶ DUYÊN	Nữ	05/11/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
49	CVN26.103	NGUYỄN HỒ HOÀNG GIA	Nam	14/12/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
50	CVN26.105	LÊ NGUYỄN HOÀNG GIANG	Nam	18/12/2002	2020	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
51	CVN26.106	NGUYỄN THANH TRƯỜNG GIANG	Nam	26/08/2003	2021	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
52	CVN26.107	VŨ MẠNH TRƯỜNG GIANG	Nam	18/02/2006	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8	25	25.5	TT	
53	CVN26.108	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	30/12/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
54	CVN26.109	TRẦN MINH HÀ	Nữ	22/11/1999	2017	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
55	CVN26.110	NGUYỄN MINH HẢI	Nam	01/03/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
56	CVN26.111	NGUYỄN MINH HẢI	Nam	12/03/2001	2019	KV2-NT	0	ĐT02	2	8.5	8	25	27	TT	
57	CVN26.112	NGUYỄN QUỐC GIA HẢI	Nam	22/03/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
58	CVN26.115	HOÀNG GIA HÂN	Nữ	29/02/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	7	23	23.75	TT	
59	CVN26.117	LÊ NGỌC GIA HÂN	Nữ	11/01/2007	2025	KV1	0.75	ĐT01	2	9	7.75	25.75	28.5	TT	
60	CVN26.118	LÊ THỊ MỸ HÂN	Nữ	04/05/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.5	23.5	24	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
61	CVN26.120	NGUYỄN ÔN GIA HÂN	Nữ	11/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
62	CVN26.121	QUÁCH LÊ NGỌC HÂN	Nữ	19/09/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
63	CVN26.125	TỔNG THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	19/04/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8	25	25.75	TT	
64	CVN26.129	KIÊM CHẤN ANH HÀO	Nam	05/08/2006	2024	KV2	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
65	CVN26.130	VIÊN VĂN HÀO	Nam	05/01/2001	2019	KV3	0	ĐT05	1	8.25	9	25.5	26.5	TT	
66	CVN26.131	PHAN HẬU	Nữ	14/03/1974	1991	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	-	
67	CVN26.133	TRƯƠNG VĂN HIỀN	Nam	15/09/1997	2015	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
68	CVN26.135	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	16/04/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	8.5	24.5	24.75	TT	
69	CVN26.136	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	20/12/2002	2020	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
70	CVN26.137	TRỊNH TRUNG HIẾU	Nam	29/01/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
71	CVN26.138	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	Nữ	22/12/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.25	25.25	25.5	TT	
72	CVN26.139	NGUYỄN THÁI HOAN	Nam	02/02/1996	2014	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
73	CVN26.141	NGUYỄN BẢO HOÀNG	Nam	29/05/2006	2024	KV1	0	Không có	0	5	4	14	14	-	
74	CVN26.143	ĐINH XUÂN HÙNG	Nam	16/04/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	7	23	23.75	TT	
75	CVN26.144	ĐOÀN VIỆT HÙNG	Nam	07/11/2002	2020	KV2	0	Không có	0	6	6	18	18	-	
76	CVN26.145	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	01/10/2005	2023	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
77	CVN26.146	TRẦN NAM HÙNG	Nam	20/11/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
78	CVN26.147	ĐOÀN TUẤN HÙNG	Nam	25/05/2004	2022	KV3	0	Không có	0	6	8	20	20	-	
79	CVN26.148	LÊ THÁI HÙNG	Nam	29/07/2006	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
80	CVN26.149	NGÔ PHÚC HÙNG	Nam	28/10/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
81	CVN26.150	NGUYỄN HOÀNH HƯNG	Nam	23/04/1994	2012	KV3	0	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.5	-	
82	CVN26.151	TRẦN PHẠM VIỆT HÙNG	Nam	12/10/2005	2023	KV2	0	Không có	0	7	7	21	21	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
83	CVN26.154	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	11/01/2001	2019	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
84	CVN26.155	PHẠM CẨM HƯƠNG	Nữ	09/09/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7.5	22.5	23	TT	
85	CVN26.164	ĐỖ NGUYỄN TẤN HUY	Nam	16/06/2000	2018	KV1	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
86	CVN26.165	PHAN LÊ GIA HUY	Nam	17/12/2004	2022	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
87	CVN26.166	TRẦN GIA HUY	Nam	21/06/2008	2026	KV3	0	ĐT05	1	8	7	23	24	TT	
88	CVN26.168	TRẦN HOÀNG GIA HUY	Nam	16/01/2008	2026	KV2-NT	0.5	ĐT05	1	8	8	24	25.5	TT	
89	CVN26.170	TRƯƠNG GIA HUY	Nam	09/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8	25	25.25	TT	
90	CVN26.173	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	03/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
91	CVN26.174	TRẦN KHÁNH HUYỀN	Nữ	25/09/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8.5	9	26	26	TT	
92	CVN26.177	NGUYỄN HẠO QUANG KEVIN	Nam	13/06/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
93	CVN26.178	ĐẶNG LÊ DUY KHẢI	Nam	09/01/2007	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
94	CVN26.179	VÕ TUẤN KHẢI	Nam	16/01/1998	2016	KV2-NT	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
95	CVN26.182	NGUYỄN HOÀNG KHANG	Nam	01/01/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.25	25.25	25.75	TT	
96	CVN26.183	PHÙNG THẾ KHANG	Nam	17/12/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
97	CVN26.184	TRƯƠNG TÔN HOÀNG KHANG	Nam	06/05/2005	2022	KV2-NT	0	Không có	0	6.25	6.25	18.75	18.75	-	
98	CVN26.185	LÊ HOÀNG KHANH	Nam	06/11/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
99	CVN26.186	TRẦN HUỖNH NGỌC KHANH	Nữ	08/05/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	7.75	23.75	23.75	TT	
100	CVN26.187	ĐỖ VŨ BẢO KHÁNH	Nam	19/02/2006	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
101	CVN26.188	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	23/02/2004	2022	KV2-NT	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
102	CVN26.189	PHÙNG CÔNG KHÁNH	Nam	10/11/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
103	CVN26.192	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	29/03/2004	2022	KV3	0	Không có	0	6.25	6.25	18.75	18.75	-	
104	CVN26.193	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	11/09/2008	2026	KV3	0	Không có	0	4	3.5	11.5	11.5	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
105	CVN26.194	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	26/08/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6.75	6.75	20.25	20.5	-	
106	CVN26.195	NGUYỄN TRẦN MINH KHOA	Nam	29/11/2005	2023	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
107	CVN26.196	TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	29/11/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
108	CVN26.198	ĐỒNG ĐĂNG NGUYỄN KHÔI	Nam	19/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
109	CVN26.199	HUỖNH ANH KHÔI	Nam	01/08/2005	2026	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
110	CVN26.200	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	09/11/2005	2023	KV2	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
111	CVN26.202	NGUYỄN KHÁNH KIÊN	Nam	29/11/2007	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	7	23	23.75	TT	
112	CVN26.203	NGUYỄN LÊ TÚ KIÊN	Nam	27/05/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
113	CVN26.205	NGUYỄN HOÀNG TUẤN KIỆT	Nam	28/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	6	6	18	18	-	
114	CVN26.206	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	19/08/2004	2022	KV2-NT	0	Không có	0	4	4	12	12	-	
115	CVN26.207	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	17/01/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.5	23.5	24	TT	
116	CVN26.208	PHẠM TUẤN KIỆT	Nam	09/12/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8	25	25.5	TT	
117	CVN26.209	PHAN TUẤN KIỆT	Nam	27/03/2006	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
118	CVN26.210	PHAN TUẤN KIỆT	Nam	17/10/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7.75	23.75	24	TT	
119	CVN26.211	TRẦN VÕ ANH KIỆT	Nam	07/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.75	7	22.5	22.5	-	
120	CVN26.212	NGUYỄN MỸ KIM	Nữ	20/02/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
121	CVN26.215	TRÂU GIA KỶ	Nữ	17/09/2007	2025	KV3	0	ĐT05	1	8.5	8.5	25.5	26.5	TT	
122	CVN26.216	TRỊNH CAO KỶ	Nam	08/12/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8.5	24.5	25	TT	
123	CVN26.218	NGUYỄN HOÀNG THI LÂM	Nam	30/08/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
124	CVN26.219	NGÔ TỔ LAN	Nữ	01/01/1999	2017	KV3	0	Không có	0	8.75	8	25.5	25.5	TT	
125	CVN26.220	BÙI THỊ NGỌC LỆ	Nữ	23/02/2005	2023	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
126	CVN26.224	NGUYỄN DIỆU LINH	Nữ	10/09/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
127	CVN26.225	NGUYỄN HOÀNG THUỖ LINH	Nữ	05/08/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8.25	8	24.5	25.25	TT	
128	CVN26.226	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	Nữ	20/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
129	CVN26.228	NGUYỄN ĐỨC LỘC	Nam	04/12/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	7.5	7	22	22.5	-	
130	CVN26.232	NGUYỄN ĐẶNG THÀNH LONG	Nam	23/10/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
131	CVN26.233	NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG	Nam	08/06/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
132	CVN26.234	NGUYỄN THIÊN LONG	Nam	15/01/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
133	CVN26.235	PHAN VĂN HOÀNG LONG	Nam	03/10/2003	2021	KV2	0	Không có	0	7	6	20	20	-	
134	CVN26.238	ĐỖ THỊ CẨM LY	Nữ	05/08/2003	2021	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
135	CVN26.239	PHẠM HẢI YẾN LY	Nữ	10/09/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8.25	7	23.5	24.25	TT	
136	CVN26.241	ĐỖ XUÂN MAI	Nữ	05/11/2008	2026	KV3	0	Không có	0	4	5	13	13	-	
137	CVN26.242	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	Nữ	04/01/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	7.5	7.5	22.5	22.75	-	
138	CVN26.243	TRẦN TIẾN MÃI	Nam	13/07/2004	2022	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
139	CVN26.244	NGUYỄN MINH Mẫn	Nam	22/07/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
140	CVN26.249	LÊ NHẬT MINH	Nam	06/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	7.25	23.25	23.25	TT	
141	CVN26.250	NGÔ HỮU NHẬT MINH	Nam	26/02/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	5	5	15	15.75	-	
142	CVN26.251	PHẠM NGỌC MINH	Nam	22/06/2006	2024	KV1	0	ĐT01	2	8.5	8	25	27	TT	
143	CVN26.252	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	28/04/2004	2022	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
144	CVN26.256	NGUYỄN DƯƠNG HÀ MY	Nữ	15/03/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
145	CVN26.257	ĐỖ HOÀN MỸ	Nữ	10/09/2003	2021	KV3	0	Không có	0	8.25	7	23.5	23.5	TT	
146	CVN26.262	LÊ ANH HOÀNG NAM	Nam	01/09/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	6.25	6.25	18.75	19.5	-	
147	CVN26.263	NGUYỄN VIỆT SƠN NAM	Nam	08/12/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
148	CVN26.265	TRẦN VĂN NHỰT NAM	Nam	13/11/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	4	5	13	13.5	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
149	CVN26.273	ĐỖ KIM NGÂN	Nam	17/06/2005	2023	KV1	0	Không có	0	4	3.5	11.5	11.5	-	
150	CVN26.274	LÊ THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	03/06/2006	2024	KV2-NT	0	Không có	0	6	6	18	18	-	
151	CVN26.276	TRẦN THỊ THU NGÂN	Nữ	01/03/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
152	CVN26.277	VŨ NGỌC KIM NGÂN	Nữ	19/10/2007	2026	KV2	0.25	Không có	0	7.75	7.75	23.25	23.5	TT	
153	CVN26.282	NGUYỄN QUỐC NGỘ	Nam	17/03/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
154	CVN26.286	BÙI BẢO NGỌC	Nữ	25/01/2008	2026	KV3	0	Không có	0	7.75	7	22.5	22.5	-	
155	CVN26.288	NGUYỄN KIM NGỌC	Nữ	17/03/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	6.25	6.25	18.75	18.75	-	
156	CVN26.289	PHẠM GIA BẢO NGỌC	Nữ	28/04/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
157	CVN26.290	PHẠM NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	01/02/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	7	5	19	19.75	-	
158	CVN26.295	ĐẶNG PHÚC NGUYỄN	Nam	23/09/2006	2026	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8.25	25.25	26	TT	
159	CVN26.296	VÕ VĂN NGUYỄN	Nam	01/07/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
160	CVN26.298	PHAN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	09/12/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
161	CVN26.299	ĐẶNG NGỌC TRI NHÂN	Nam	17/01/2006	2024	KV2-NT	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
162	CVN26.301	TỔNG THÀNH NHÂN	Nam	09/07/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.75	7.75	25.25	25.75	TT	
163	CVN26.302	VÕ THIÊN NHÂN	Nam	20/10/2008	2026	KV2	0.25	ĐT06	1	5.75	5.75	17.25	18.5	-	
164	CVN26.303	BÙI MINH NHẬT	Nam	14/11/2008	2026	KV1	0.75	ĐT05	1	8	8	24	25.75	TT	
165	CVN26.304	ĐÀO MINH NHẬT	Nam	17/10/2005	2023	KV2	0	Không có	0	9	9.5	27.5	27.5	TT	
166	CVN26.311	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	09/09/2008	2026	KV2	0.25	ĐT05	1	8	8	24	25.25	TT	
167	CVN26.313	LÊ TRƯỞNG UYÊN NHI	Nữ	09/08/2002	2020	KV3	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
168	CVN26.314	NGUYỄN HOÀNG LINH NHI	Nữ	23/12/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.75	25.75	25.75	TT	
169	CVN26.318	NGUYỄN AN NHIÊN	Nam	07/11/2005	2024	KV1	0	Không có	0	8.25	8	24.5	24.5	TT	
170	CVN26.320	LÂM BẢO NHƯ	Nữ	13/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
171	CVN26.327	TÙ PHƯƠNG TỔ NHUNG	Nữ	15/10/2002	2020	KV3	0	Không có	0	7	5	19	19	-	
172	CVN26.328	NGUYỄN ĐÌNH NHỰT	Nam	01/06/2006	2024	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
173	CVN26.329	H LỖ LY NIÊ	Nữ	19/11/2007	2025	KV1	0.75	ĐT01	2	8.5	8	25	27.75	TT	
174	CVN26.333	HUỖNH ĐẮC PHÁT	Nam	11/01/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8	7.5	23.5	24.25	TT	
175	CVN26.334	TRẦN MINH PHÁT	Nam	11/01/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
176	CVN26.335	TRẦN NGUYỄN MAI PHÁT	Nam	04/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
177	CVN26.336	LÊ CÔNG HỒNG PHI	Nam	15/06/2005	2023	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
178	CVN26.339	LÊ THÊ PHONG	Nam	18/11/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.5	TT	
179	CVN26.340	NGUYỄN HOÀI PHONG	Nam	21/05/2006	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8	25	25.5	TT	
180	CVN26.341	TRẦN TUẤN PHONG	Nam	18/06/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
181	CVN26.348	DƯƠNG VĨNH PHÚC	Nam	14/10/2006	2024	KV2	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
182	CVN26.350	PHẠM HOÀN PHÚC	Nam	06/01/2004	2022	KV2-NT	0	ĐT02	2	7.5	7.5	22.5	24.5	TT	
183	CVN26.351	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	14/12/1997	2015	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
184	CVN26.536	TÔ HOÀNG THIÊN PHÚC	Nam	21/09/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
185	CVN26.353	HỒ VÕ KIM PHỤNG	Nữ	29/01/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.5	23.5	24	TT	
186	CVN26.355	ĐẶNG HUỖNH HỮU PHƯỚC	Nam	18/10/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	5.75	5.75	17.25	17.5	-	
187	CVN26.356	NGUYỄN THIỆN PHƯỚC	Nam	08/06/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8.25	8.25	24.75	24.75	TT	
188	CVN26.359	NGUYỄN LÂM NGHI PHƯƠNG	Nữ	20/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	5	5	15	15.25	-	
189	CVN26.360	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nam	15/02/2001	2019	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
190	CVN26.361	NGUYỄN VŨ HẢI PHƯƠNG	Nữ	06/02/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.25	7	23.5	24	TT	
191	CVN26.363	LÊ PHẠM HOÀNG QUÂN	Nam	02/02/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
192	CVN26.367	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	17/10/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8.25	8.25	24.75	25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
193	CVN26.369	TRẦN MAI PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	09/12/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	4	6	14	14.75	-	
194	CVN26.376	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	26/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.75	25.75	26.25	TT	
195	CVN26.378	DUNG QUỐC TÀI	Nam	06/05/2008	2026	KV3	0	ĐT05	1	5	5	15	16	-	
196	CVN26.379	BÙI NGỌC MINH TÂM	Nữ	21/06/2006	2024	KV3	0	Không có	0	8.5	9	26	26	TT	
197	CVN26.380	HỒ DƯƠNG CHÍ TÂM	Nữ	23/04/2005	2023	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
198	CVN26.382	TRẦN HUY TÂM	Nam	19/09/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	5.75	5.75	17.25	17.75	-	
199	CVN26.383	CHÂU MINH THÁI	Nam	25/09/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
200	CVN26.387	NGUYỄN HUỠNH NHỰT THANH	Nam	20/04/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	7	24	24.5	TT	
201	CVN26.388	TRỊNH NHƯ THANH	Nữ	06/01/2008	2026	KV3	0	ĐT05	1	8	8	24	25	TT	
202	CVN26.389	NGUYỄN ĐẶNG PHƯỚC THÀNH	Nam	18/10/2005	2024	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
203	CVN26.390	NGUYỄN HỮU THÀNH	Nam	08/10/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
204	CVN26.397	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	02/07/2002	2023	KV1	0	Không có	0	9	8	26	26	TT	
205	CVN26.399	VÕ ĐOÀN THANH THẢO	Nữ	23/10/2007	2025	KV3	0	Không có	0	7.25	7.5	22	22	-	
206	CVN26.400	NGUYỄN HUỠNH KIM THI	Nữ	24/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	6	5	17	17.25	-	
207	CVN26.402	PHAN THỊ NHÃ THI	Nữ	17/03/2006	2026	KV3	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
208	CVN26.403	TRẦN NGỌC BẢO THI	Nữ	05/01/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	6	6	18	18.75	-	
209	CVN26.404	LÊ HOÀN THIỆN	Nam	30/09/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	9	26	26.25	TT	
210	CVN26.405	TRẦN MINH THIỆN	Nam	18/08/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8.5	8.5	25.5	26	TT	
211	CVN26.411	ĐẶNG THỊ KIM THOA	Nữ	06/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
212	CVN26.413	NGUYỄN TẤN THÔNG	Nam	06/07/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7.75	23.75	24.25	TT	
213	CVN26.421	BÙI NGỌC ANH THU	Nữ	16/08/2005	2023	KV2	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
214	CVN26.424	LÊ THỊ ANH THU	Nữ	14/05/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8	8.25	24.25	24.25	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
215	CVN26.425	NGÔ QUỲNH ANH THU'	Nữ	19/02/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	6	6	18	18.75	-	
216	CVN26.426	PHAN THỊ ANH THU'	Nữ	03/02/2006	2024	KV2-NT	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
217	CVN26.428	MAI MINH THUẬN	Nam	11/04/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	
218	CVN26.432	HUỲNH THỊ THANH THÙY	Nữ	17/07/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
219	CVN26.433	VÕ HÀ KHÁNH THY	Nữ	23/12/2004	2023	KV1	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
220	CVN26.435	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	Nữ	20/08/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
221	CVN26.436	ĐÀO QUỐC TIẾN	Nam	14/02/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
222	CVN26.439	NGUYỄN THỊ NGỌC TIỀN	Nữ	26/11/2000	2018	KV1	0	Không có	0	9	8	26	26	TT	
223	CVN26.440	NGUYỄN HỮU TIỆP	Nam	07/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	7.5	24.5	24.75	TT	
224	CVN26.441	HUỲNH BỬU TOÀN	Nam	28/07/2008	2026	KV2	0.25	ĐT06	1	8	8	24	25.25	TT	
225	CVN26.448	LƯU HUỲNH TRÂN TRÂN	Nữ	30/04/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8.5	8	25	25.75	TT	
226	CVN26.449	NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	21/08/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8.5	25.5	25.75	TT	
227	CVN26.452	QUÁCH NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	30/06/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
228	CVN26.456	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	13/03/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	4	6	14	14.5	-	
229	CVN26.458	CÁP ĐỖ THÙY TRANG	Nữ	07/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	5.75	5.75	17.25	17.5	-	
230	CVN26.459	NGUYỄN LÊ UYÊN TRANG	Nữ	13/02/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
231	CVN26.461	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	16/06/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
232	CVN26.463	LÊ CAO TRÍ	Nam	17/11/2000	2021	KV1	0	Không có	0	8	7.75	23.75	23.75	TT	
233	CVN26.470	LÊ HỮU TRỌNG	Nam	26/01/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8.5	8	25	25	TT	
234	CVN26.472	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	11/04/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
235	CVN26.473	THÁI THANH TRÚC	Nữ	19/06/2008	2026	KV3	0	Không có	0	4	5	13	13	-	
236	CVN26.476	CAO VĂN TRƯỜNG	Nam	24/09/2001	2019	KV2-NT	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM (chưa có điểm ưu tiên)	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN (Điểm chuẩn 23.0)	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
237	CVN26.477	HÀ XUÂN TRƯỜNG	Nam	01/01/2006	2026	KV2	0.25	Không có	0	7.75	6.75	22.25	22.5	-	
238	CVN26.480	VÕ CẨM TÚ	Nữ	12/12/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.25	7.75	24.25	24.5	TT	
239	CVN26.481	LÊ ANH TUẤN	Nam	15/03/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
240	CVN26.482	TRẦN ANH TUẤN	Nam	08/10/1997	2015	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
241	CVN26.494	NGUYỄN TRIỆU MỸ UYÊN	Nữ	17/05/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
242	CVN26.499	LÊ LONG VĂN	Nam	02/06/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	6	6	18	18.25	-	
243	CVN26.505	BÙI THẾ VINH	Nam	19/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8.5	8	25	25.25	TT	
244	CVN26.507	NGUYỄN VĂN VINH	Nam	08/03/2007	2025	KV3	0	Không có	0	8.5	8.25	25.25	25.25	TT	
245	CVN26.510	HỨA VĂN HOÀNG VŨ	Nam	14/06/2004	2022	KV1	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
246	CVN26.511	NGUYỄN THANH VŨ	Nam	22/04/2006	2024	KV2-NT	0	Không có	0	8	7	23	23	TT	
247	CVN26.512	HUỖNH QUỐC VƯƠNG	Nam	22/10/2003	2021	KV2-NT	0	Không có	0	7.5	7	22	22	-	
248	CVN26.516	LÊ HÒ BẢO VY	Nữ	02/08/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
249	CVN26.517	LÊ NGỌC THỦY VY	Nữ	13/09/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
250	CVN26.518	LƯU THANH VY	Nữ	04/08/2007	2025	KV1	0.75	Không có	0	8.25	7.75	24.25	25	TT	
251	CVN26.519	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	Nữ	17/08/2008	2026	KV3	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
252	CVN26.520	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	04/07/2008	2026	KV1	0.75	Không có	0	8	8	24	24.75	TT	
253	CVN26.521	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VY	Nữ	06/07/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	
254	CVN26.522	PHẠM NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/03/2006	2024	KV2-NT	0	Không có	0	7	6	20	20	-	
255	CVN26.523	TÂN NGỌC THẢO VY	Nữ	28/07/2001	2019	KV3	0	Không có	0	8	7.5	23.5	23.5	TT	
256	CVN26.524	VÕ THỊ LAN VY	Nữ	18/07/2003	2021	KV3	0	Không có	0	8	8.5	24.5	24.5	TT	
257	CVN26.526	LƯƠNG THIỆN VỸ	Nam	23/04/2005	2023	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
258	CVN26.528	HUỖNH THỊ BẢO XUYỀN	Nữ	10/06/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	8	24	24.5	TT	

S T T	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Hát 2 bài (Hệ số 2)	Điểm Thẩm âm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM <i>(chưa có điểm ưu tiên)</i>	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN <i>(Điểm chuẩn 23.0)</i>	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
259	CVN26.531	LÊ HOÀNG Ý	Nam	22/07/2008	2026	KV2	0.25	Không có	0	8	7	23	23.25	TT	
260	CVN26.532	MAI NHƯ Ý	Nữ	17/02/2004	2022	KV2-NT	0	Không có	0	8	8	24	24	TT	
261	CVN26.533	NGUYỄN HÀ Ý	Nam	11/03/2008	2026	KV2-NT	0.5	Không có	0	8	7	23	23.5	TT	

Danh sách: 261
Nam: 162
Nữ: 99

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2026
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH